TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/03/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:Bà Phạm Thị Nguyên và bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 680/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền (về vấn đề nuôi con) của chị D: Chị Hoàng Thị H; Địa chỉ: Số H N, Phường C, TP H, tỉnh Hải Dương.

Chị H có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/05/2008. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh Đ tại B, N, C, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hoà thuận khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Tranh cãi ngày càng nhiều khiến tình cảm vợ

chồng lạnh nhạt dần. Đến tháng 10/2016, chị đi lao động tại Đài Loan. Dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Thị Thảo V, sinh ngày 31/8/2009 và Hoàng Thị Bảo T, sinh ngày 09/8/2012. Khi ly hôn chị đề nghị giao con Hoàng Thị Bảo T cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Giao con Hoàng Thị Thảo V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị làm việc tại Đài Loan, chị tạm giao cháu V cho ông bà ngoại chăm sóc. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu này của chị thì chị và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về mức cấp dưỡng: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ1:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ1 xác định vợ chồng mâu thuẫn, không thể khắc phục nên nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Do cả hai con chung đã sống cùng anh từ nhỏ nên ly hôn anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành. Về mức cấp dưỡng: Anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai con chung của chị D và anh Đ1 có văn bản trình bày nguyện vọng được ở cùng bố.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị D có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. nhưng có người đại diện theo uỷ quyền về vấn đề con chung có mặt tại phiên toà trình bày quan điểm: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Đ1 thì chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng.

Bị đơn anh Đ1 trình bày quan điểm nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả 2 con chung, nhất trí với mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/1 con/1 tháng.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Hoàng Văn Đ; Về con chung: Giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng 02 con chung là Hoàng Thị Thảo V, sinh ngày 31/8/2009 và Hoàng Thị Bảo T, sinh ngày 09/8/2012 cho đến khi con trưởng thành. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng anh Đ là 2.000.000 đồng/tháng/1 con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại B, N, C, Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa chị D có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt, có người dại diện theo uỷ quyền về con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị D và anh Hoàng Văn Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hải Dương vào ngày 13/5/2008 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống, tính cách không hoà hợp, không có tiếng nói chung. Hiện nay, chị D và anh Đ đều có cuộc sống riêng. Đến nay chị D xác định không còn tình cảm với anh Đ và có đơn xin ly hôn, anh Đ xác định vợ chồng không thể khắc phục mâu thuẫn, nên nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị D ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Chị D và anh Đ có 02 con chung là Hoàng Thị Thảo V, sinh ngày 31/8/2009 và Hoàng Thị Bảo T, sinh ngày 09/8/2012. Khi ly hôn chị đề nghị giao con Hoàng Thị Bảo T cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Giao con Hoàng Thị Thảo V cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị làm việc tại Đài Loan, chị tạm giao cháu V cho ông bà ngoại chăm sóc. Hội đồng xét xử, xét thấy: Hiện nay, hai con chung đều đang sống ổn định cùng anh Đ. Còn chị D đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Cháu V và cháu T cũng đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở cùng bố. Do đó, giao cho anh Đ được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở

là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mức cấp dưỡng: Chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng/1 con, anh Đ nhất trí mức cấp dưỡng này, nên HĐXX chấp nhập.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Hoàng Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn Đ được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Thị Thảo V, sinh ngày 31/8/2009 và Hoàng Thị Bảo T, sinh ngày 09/8/2012 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho các con chung cùng anh Đ là 2.000.000 đồng/tháng đối với mỗi con, thời gian từ tháng 04/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu chậm thi hành án người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0005421 ngày 12/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Chị D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Ngọc liên, huyện Cẩm Giàng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường